

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 26-11-2021  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Mai Hằng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mai Thu.

2. Ông Cháng A Sai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. Có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2021, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 19/02/1993 và đăng ký kết hôn lại vào ngày 07/6/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện T. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn C nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Nguyễn Văn C không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C có 02 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/4/1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/02/2001. Các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2021, anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C nhất trí với lời trình bày của chị Nguyễn Thị N về hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái và đăng ký kết hôn lại vào ngày 07/6/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, hiện nay chị Nguyễn Thị N đã không còn chung sống cùng nhà với anh nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị N không còn, chị Nguyễn Thị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 02 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/4/1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/02/2001. Các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C theo quy định của pháp luật.

Về thủ tục hòa giải: Ngày 08/11/2021, anh Nguyễn Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt, ngày 15/11/2021 chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 19/02/1993, đăng ký kết hôn lại vào ngày 07/6/2021 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N đều xác định hiện nay anh chị đã sống ly thân, không còn chung sống cùng nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị Nguyễn Thị N

được ly hôn anh Nguyễn Văn C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C công nhận có 02 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/4/1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 10/02/2001. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001794 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 02/11/2021.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Mai Hằng**

